

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
Số: *MG1* /CV-VPHQQT.21

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày *07* tháng 4 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**

Công ty: **NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU**

Mã chứng khoán: **ACB**

Trụ sở chính : 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-28) 3929 0999

Fax : (84-28) 3839 9885

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Đàm Văn Tuấn

Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-28) 3929 0999

Fax : (84-28) 3839 9885

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, Ngân hàng TMCP Á Châu đã tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 tại Khách sạn Sheraton Sài Gòn, số 88, Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Nghị quyết và biên bản họp đã được đăng tải trên website của Ngân hàng tại đường dẫn <http://acb.com.vn/vn/about/nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin> từ ngày 07 tháng 4 năm 2021.

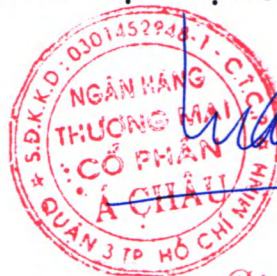
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. *mlan*

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VP HQQT, Ph TH.



Đàm Văn Tuấn
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

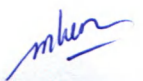
Thực hiện theo Phụ lục II (Ban hành kèm theo Quyết định số 515/QĐ-UBCK ngày 25/6/2012 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Quy trình thực hiện công bố thông tin trên công thông tin điện tử của UBCKNN và báo cáo UBCKNN cho các đối tượng tham gia thị trường chứng khoán.)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU NĂM 2021

I. TỔNG QUÁT

1. **Thời gian:** Từ 8 giờ 50 phút, thứ Ba ngày 06 tháng 4 năm 2021.
2. **Địa điểm:** Khách sạn Sheraton Sài Gòn, 88 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
3. **Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:**
 - 3.1 Căn cứ kết quả báo cáo của Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội vào lúc 8 giờ 54 phút, tổng số cổ đông dự họp và được ủy quyền dự họp là: 453 cổ đông, đại diện 1.249.729.301 cổ phần, tương ứng 57,82 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
Căn cứ Điều 145 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều 33 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB), Đại hội cổ đông thường niên ACB đủ điều kiện để tiến hành họp và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành.
 - 3.2 Khách mời:
 - Bà Vũ Thị Kim Oanh, Trưởng phòng Quản lý, giám sát chi nhánh TCTD ngoài Nhà nước, NHNN CN TP. HCM;
 - Bà Trần Anh Đào, Phó Tổng giám đốc, Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM;
 - Bà Hoàng Thị Lương Trang: Phó giám đốc Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, CN TP. HCM.
 - Bà Trần Thị Thanh Trúc, Phó Tổng giám đốc, Công ty TNHH Kiểm toán PwC (Việt Nam);
4. **Chủ tọa đoàn:**
 - Ông Trần Hùng Huy, Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT), Chủ tọa;
 - Ông Nguyễn Thành Long, Phó Chủ tịch HĐQT;
 - Ông Huỳnh Nghĩa Hiệp, Trưởng Ban kiểm soát (BKS);
 - Ông Đỗ Minh Toàn, Tổng giám đốc.
5. **Các thành viên HĐQT và BKS:**
 - Các thành viên HĐQT tham dự trực tiếp: Ông Đàm Văn Tuấn, ông Hiep Van Vo. Thành viên tham dự bằng hình thức trực tuyến: Bà Đặng Thu Thủy.
 - Các thành viên BKS tham dự Đại hội: Bà Nguyễn Thị Minh Lan, bà Hoàng Ngân và bà Phùng Thị Tốt.



6. Ông Lê Thanh Hải, Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông, đọc Quyết định thành lập Ban thẩm tra tư cách cổ đông và báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông, thông báo số lượng cổ đông tham gia hoặc được ủy quyền tham gia, số cổ phần đại diện, tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết, xác định Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 có đủ điều kiện tiến hành và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành.
7. Ông Trần Hùng Huy, Chủ tọa Đại hội, phát biểu khai mạc.
8. Chủ tọa đoàn chỉ định Thư ký Đại hội: Bà Phan Lạc Kim Trinh, Thư ký công ty.
9. Ông Đàm Văn Tuấn, Thành viên HĐQT, thừa ủy nhiệm của Chủ tọa đoàn, giới thiệu chương trình Đại hội.
10. Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chương trình họp Đại hội bằng hình thức giơ tay với tỷ lệ tán thành 100%; không tán thành 0%; và không có ý kiến 0%.
11. Ông Đàm Văn Tuấn, thừa ủy nhiệm Chủ tọa, đề cử thành phần Ban kiểm phiếu, gồm ông Lê Thanh Hải làm Trưởng Ban và các thành viên là ông Nguyễn Trung Nghĩa và ông Huỳnh Văn Sơn.
12. Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thành phần Ban kiểm phiếu bằng hình thức giơ tay với tỷ lệ tán thành 100%; không tán thành 0%; và không có ý kiến 0%.

II. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

1. **Đọc Tờ trình về việc thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.**
2. **Cổ đông biểu quyết về Quy chế biểu quyết bằng tờ biểu quyết.**
3. **Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết về Quy chế biểu quyết.** Kết quả là Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế biểu quyết. *(Biên bản kiểm phiếu về Quy chế biểu quyết đính kèm.)*
4. **Đọc các báo cáo và tờ trình.**
 - 4.1 Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ngân hàng TMCP Á Châu;
 - 4.2 Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2020;
 - 4.3 Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 (trích);
 - 4.4 Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2020, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2021;
 - 4.5 Tờ trình về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2020 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
 - 4.6 Tờ trình về mức thù lao và ngân sách hoạt động cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2021.

5. Đại hội thảo luận 06 vấn đề tại Mục II.3

- Cổ đông nêu ý kiến và đặt câu hỏi về một số nội dung như sau:
 - Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021: Lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch tăng trưởng lợi nhuận năm 2021; Tỷ lệ thu nhập từ hoạt động dịch vụ, hoạt động kinh doanh chứng khoán; Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro; Tỷ lệ nợ xấu của ACB năm 2020 và đánh giá tác động của Thông tư 01/2020/TT-NHNN đến hoạt động tín dụng của ACB;
 - Chiến lược phát triển tín dụng khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa, cho vay tín chấp trong 2 – 3 năm tới. Kế hoạch đầu tư trái phiếu doanh nghiệp trong năm 2021. Giải pháp phát triển hoạt động kinh doanh tại miền Bắc;
 - Phương pháp hạch toán khoản phí trả trước từ hợp đồng phân phối độc quyền bảo hiểm với Công ty Sun Life Việt Nam; và kế hoạch tăng trưởng hoạt động bảo hiểm trong năm 2021;
 - Hiệu quả của hoạt động ngân hàng số và chiến lược phát triển mảng ngân hàng số.
 - Thực trạng hoạt động của ACBS và kế hoạch thoái vốn khỏi ACBS.
 - Chiến lược và thông điệp chủ đạo của ACB trong 03 năm tới;
 - Kế hoạch mua bán, sáp nhập;
 - Kế hoạch phát triển đội ngũ lãnh đạo kế thừa.
- Đoàn Chủ tọa trả lời đầy đủ câu hỏi của cổ đông và ghi nhận ý kiến của cổ đông.

6. Trưởng ban Thẩm tra tư cách cổ đông cập nhật số lượng cổ đông tham dự Đại hội.

Vào lúc 10 giờ 6 phút, tổng số cổ đông dự họp và được ủy quyền dự họp là: 567 cổ đông, đại diện cho 1.516.276.720 cổ phần, tương ứng 70,15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

7. Cổ đông biểu quyết 06 vấn đề tại Mục II.3 bằng tờ biểu quyết.

8. Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết 06 vấn đề. Kết quả là Đại hội đồng cổ đông thông qua 06 vấn đề. (Biên bản kiểm phiếu 06 vấn đề đính kèm.)

III. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp thường niên năm 2021:

- Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021. (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)
- Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2020, và thông qua kế hoạch hoạt động năm 2021 với các chỉ tiêu tài chính tín dụng trọng yếu như sau:
 - Tổng tài sản tăng 10%;
 - Tiền gửi khách hàng tăng 9%;
 - Tín dụng tăng 9,5%;
 - Tỷ lệ nợ xấu dưới 2%;
 - Lợi nhuận trước thuế Tập đoàn khoảng 10.602 tỷ đồng.

- Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020 của Ngân hàng TMCP Á Châu. (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)
- Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất ký ngày 24/02/2021 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Ngân hàng TMCP Á Châu do Công ty TNHH PwC (Việt Nam) kiểm toán. (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội và các báo cáo tài chính đăng trên trang thông tin điện tử www.acb.com.vn.)
- Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

– Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:

STT	Nội dung	Số tiền (VND)
1	Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB tại ngày 31/12/2020	9.595.887.256.221
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.913.064.653.888
3	Lợi nhuận sau thuế (1-2)	7.682.822.602.333
3a	Trong đó: Lợi nhuận sau thuế của ACB	7.493.360.753.460
4	Trích lập các quỹ, trong đó:	1.295.857.036.705
4a	Quỹ DTBSVDL của ACB (3a x 5%)	374.668.037.673
4b	Quỹ dự phòng tài chính của ACB (3a x 10%)	749.336.075.346
4c	Quỹ của các công ty con	21.852.923.686
4d	Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB	150.000.000.000
5	Lợi nhuận năm 2020 sau khi trích lập các quỹ (3-4)	6.386.965.565.628
6	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia	1.282.073.959.722
7	Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2020 (5+6)	7.669.039.525.350
8	Vốn điều lệ ACB	21.615.584.600.000
9	Số lượng cổ phiếu đã phát hành (cổ phiếu)	2.161.558.460
10	Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2020 (cổ phiếu)	2.161.558.460
11	Chia cổ tức năm 2020 (25%, bằng cổ phiếu)	5.403.896.150.000
12	Lợi nhuận còn lại (7-11)	2.265.143.375.350

– Kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2021:

STT	Nội dung	Số tiền (VND)
1	Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB tại ngày 31/12/2021	10.602.000.000.000
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.120.400.000.000

3	Lợi nhuận sau thuế (1-2)	8.481.600.000.000
3a	Trong đó: Lợi nhuận sau thuế của ACB	8.321.600.000.000
4	Trích lập các quỹ, trong đó:	1.472.240.000.000
	Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB	200.000.000.000
5	Lợi nhuận năm 2021 sau khi trích lập các quỹ (3-4)	7.009.360.000.000
6	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia	2.265.143.375.350
7	Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2021 (5+6)	9.274.503.375.350
8	Vốn điều lệ ACB	21.615.584.600.000
9	Số lượng cổ phiếu đã phát hành (cổ phiếu)	2.161.558.460
10	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm do chia cổ tức 2020 (25%) (cổ phiếu)	540.389.615
11	Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2021 (9+10) (cổ phiếu)	2.701.948.075
12	Chia cổ tức năm 2021 (25%, bằng cổ phiếu)	6.754.870.190.000
13	Lợi nhuận còn lại (7-12)	2.519.633.185.350

- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm thực hiện việc chia cổ tức và tổ chức thực hiện việc chia cổ tức theo quy định của pháp luật.
- Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua phương án tăng mức vốn điều lệ từ cổ tức năm 2020 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm, cụ thể như sau:
 - Thông qua việc tăng mức vốn điều lệ từ 21.615.584.600.000 đồng lên 27.019.480.750.000 đồng (tăng thêm 5.403.896.150.000 đồng) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
 - Thông qua nội dung thay đổi mức vốn điều lệ trong Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ của Ngân hàng TMCP Á Châu từ 21.615.584.600.000 đồng lên 27.019.480.750.000 đồng.
 - Thông qua phương án tăng mức vốn điều lệ, phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.
 - Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc có liên quan theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước. (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)
- Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua mức thù lao và ngân sách hoạt động cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2021 là 0,6% (không phải sáu phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn theo Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm 2021.

IV. KẾT THÚC ĐẠI HỘI

1. Ông Trần Hùng Huy, Chủ tọa Đại hội, phát biểu.
2. Đọc dự thảo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Cổ đông biểu quyết về Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu về Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Kết quả là Đại hội đồng cổ đông thông qua Biên bản họp. *(Biên bản kiểm phiếu Biên bản họp đính kèm).*
5. Chủ tọa Đại hội phát biểu bế mạc.
6. Đại hội kết thúc vào lúc 11 giờ 25 phút cùng ngày.

TM. BAN THƯ KÝ



Phan Lạc Kim Trinh

TM. CHỦ TỌA ĐOÀN ^{luuu}
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Hùng Huy

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU VỀ QUY CHẾ BIỂU QUYẾT

Hôm nay ngày 06/4/2021, Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu đã tiến hành biểu quyết thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

Ban kiểm phiếu đã ghi nhận kết quả kiểm phiếu như sau:

I. Số lượng cổ đông dự họp:

1. Tổng số lượng cổ đông có quyền dự họp (tính đến ngày đăng ký cuối cùng, 05/3/2021): 43.766 cổ đông.
2. Tổng số cổ phần phát hành: 2.161.558.460 cổ phần.
3. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 2.161.558.460 cổ phần.
4. Tổng số cổ đông dự họp tính đến thời điểm biểu quyết: 556 cổ đông, chiếm 1,27% trên tổng số cổ đông, đại diện cho 1.471.258.549 cổ phần, chiếm 68,06% số cổ phần có quyền biểu quyết.

II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết đối với Quy chế biểu quyết các vấn đề tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 1.429.043.751 cổ phần, chiếm 97,13% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 42.214.798 cổ phần, chiếm 2,87% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 1.200, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:


- + **Tán thành:** 449 cổ đông, chiếm 80,76% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.428.961.139 cổ phần, chiếm 97,13% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- + **Không tán thành:** 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- + **Không có ý kiến:** 3 cổ đông, chiếm 0,54% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 81.412 cổ phần, chiếm 0,01% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

III. Kết luận:

Căn cứ Điều 33 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu, Ban kiểm phiếu xác định Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

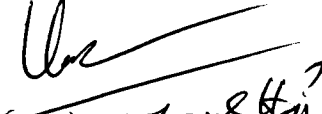
Kết quả kiểm phiếu này được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông ngày 06/4/2021.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU


Nguyễn Trung Nghĩa


Lê Thanh Hải

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU


Lê Thanh Hải



**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Hôm nay ngày 06/4/2021, Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu đã tiến hành biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

Ban kiểm phiếu đã ghi nhận kết quả kiểm phiếu như sau:

I. Số lượng cổ đông dự họp:

1. Tổng số lượng cổ đông có quyền dự họp (tính đến ngày đăng ký cuối cùng, 05/3/2021): 43.766 cổ đông.
2. Tổng số cổ phần phát hành: 2.161.558.460 cổ phần.
3. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 2.161.558.460 cổ phần.
4. Tổng số cổ đông dự họp tính đến thời điểm biểu quyết: 569 cổ đông, chiếm 1,30% trên tổng số cổ đông, đại diện cho 1.516.282.982 cổ phần, chiếm 70,15% số cổ phần có quyền biểu quyết.

II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết đối với các vấn đề như sau:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 1.489.560.452 cổ phần, chiếm 98,24% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 26.722.530 cổ phần, chiếm 1,76% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + **Tán thành:** 453 cổ đông, chiếm 79,61% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.488.592.886 cổ phần, chiếm 98,17% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 7 cổ đông, chiếm 1,23% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 967.566 cổ phần, chiếm 0,06% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

2. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2020

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 1.489.560.403 cổ phần, chiếm 98,24% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 26.722.579 cổ phần, chiếm 1,76% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + **Tán thành:** 448 cổ đông, chiếm 78,73% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.488.506.221 cổ phần, chiếm 98,17% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 11 cổ đông, chiếm 1,93% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.054.182 cổ phần, chiếm 0,07% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

3. Báo cáo tài chính riêng và họp nhất năm 2020

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 1.489.561.959 cổ phần, chiếm 98,24% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 26.721.023 cổ phần, chiếm 1,76% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + **Tán thành:** 448 cổ đông, chiếm 78,73% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.488.238.771 cổ phần, chiếm 98,15% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 12 cổ đông, chiếm 2,11% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.323.188 cổ phần, chiếm 0,09% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

4. Phân phối lợi nhuận năm 2020, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2021

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 1.489.561.959 cổ phần, chiếm 98,24% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 26.721.023 cổ phần, chiếm 1,76% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + **Tán thành:** 451 cổ đông, chiếm 79,26% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.488.220.330 cổ phần, chiếm 98,15% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 9 cổ đông, chiếm 1,58% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.341.629 cổ phần, chiếm 0,09% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

5. Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2020 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 1.489.444.892 cổ phần, chiếm 98,23% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 26.838.090 cổ phần, chiếm 1,77% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + **Tán thành:** 445 cổ đông, chiếm 78,21% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.488.066.329 cổ phần, chiếm 98,14% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 1 cổ đông, chiếm 0,18% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 14.000 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 13 cổ đông, chiếm 2,28% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.364.563 cổ phần, chiếm 0,09% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

6. Mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 1.489.561.959 cổ phần, chiếm 98,24% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 26.721.023 cổ phần, chiếm 1,76% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + **Tán thành:** 440 cổ đông, chiếm 77,33% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.488.088.509 cổ phần, chiếm 98,14% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 2 cổ đông, chiếm 0,35% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 14.100 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 18 cổ đông, chiếm 3,16% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.459.350 cổ phần, chiếm 0,10% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

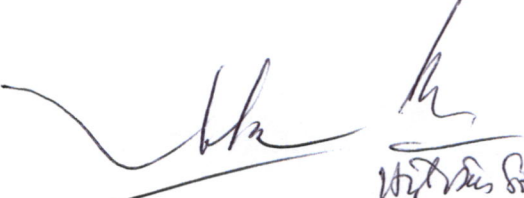
III. Kết luận:

Căn cứ Điều 33 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu, Ban kiểm phiếu xác định Đại hội đồng cổ đông đã thông qua các vấn đề sau:

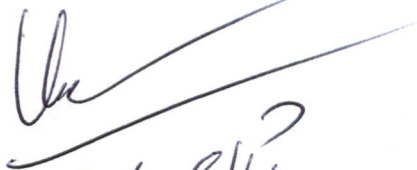
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021;
2. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2020;
3. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020;
4. Phân phối lợi nhuận năm 2020, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2021;
5. Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2020 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
6. Mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021.

Kết quả kiểm phiếu này được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông ngày 06/4/2021.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU


Nguyễn Trung Nghĩa

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU


Lê Thanh Hải

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU VỀ BIÊN BẢN HỌP

Hôm nay ngày 06/4/2021, Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu đã tiến hành biểu quyết thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Ban kiểm phiếu đã ghi nhận kết quả kiểm phiếu như sau:

I. Số lượng cổ đông dự họp:

1. Tổng số lượng cổ đông có quyền dự họp (tính đến ngày đăng ký cuối cùng, 05/3/2021): 43.766 cổ đông.
2. Tổng số cổ phần phát hành: 2.161.558.460 cổ phần.
3. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 2.161.558.460 cổ phần.
4. Tổng số cổ đông dự họp tính đến thời điểm biểu quyết: 569 cổ đông, chiếm 1,30% trên tổng số cổ đông, đại diện cho 1.516.282.982 cổ phần, chiếm 70,15% số cổ phần có quyền biểu quyết.

II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết đối với Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 1.508.049.367 cổ phần, chiếm 99,46% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 8.233.615 cổ phần, chiếm 0,54% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + **Tán thành:** 424 cổ đông, chiếm 74,52% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.507.200.559 cổ phần, chiếm 99,40% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 5 cổ đông, chiếm 0,88% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 848.808 cổ phần, chiếm 0,06% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.


III. Kết luận:

Căn cứ Điều 33 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu, Ban kiểm phiếu xác định Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021


Kết quả kiểm phiếu này được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông ngày 06/4/2021.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU


Nguyễn Trung Nghĩa


05/04/2021


Lê Thanh Khuê

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 04/3/2021 về việc thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 06/4/2021,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.
- Điều 3.** Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT; P TH.

Đính kèm:

- Quy chế biểu quyết các vấn đề tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Hùng Huy



QUY CHẾ BIỂU QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Điều 1. Các vấn đề biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 06/4/2021 (Đại hội)

1. Quy chế biểu quyết các vấn đề tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021;
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021;
3. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2020;
4. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020;
5. Phân phối lợi nhuận năm 2020, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2021;
6. Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2020 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
7. Mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021;
8. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2021.

Điều 2. Tờ biểu quyết

1. Mỗi cổ đông được phát 03 Tờ biểu quyết. 03 Tờ biểu quyết này có 08 Thẻ biểu quyết tương ứng với 08 vấn đề cần biểu quyết:

1.1 Tờ biểu quyết thứ nhất:

Tờ biểu quyết này có 01 Thẻ biểu quyết tương ứng với vấn đề “Quy chế biểu quyết các vấn đề tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.”

1.2 Tờ biểu quyết thứ hai:

Tờ biểu quyết này có 06 Thẻ biểu quyết tương ứng với 06 vấn đề, cụ thể như sau:

- (1) Thẻ biểu quyết về Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021;
- (2) Thẻ biểu quyết về Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2020;
- (3) Thẻ biểu quyết về Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020;
- (4) Thẻ biểu quyết về việc phân phối lợi nhuận năm 2020, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2021;
- (5) Thẻ biểu quyết về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2020 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;

(6) Thẻ biểu quyết về mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021;

1.3 Tờ biểu quyết thứ ba:

Tờ biểu quyết này có 01 Thẻ biểu quyết tương ứng với vấn đề “Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2021.”

2. Nội dung Tờ biểu quyết bao gồm:

(1) Kỳ Đại hội, ngày Đại hội;

(2) Họ và tên cổ đông;

(3) Số cổ phần sở hữu;

(4) Số phiếu biểu quyết;

(5) Mã vạch để nhận dạng cổ đông (mã số cổ đông);

(6) Thẻ biểu quyết tương ứng với từng vấn đề biểu quyết và các trạng thái “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” của từng vấn đề biểu quyết.

(7) Các nội dung khác (nếu có).

3. Cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp kiểm tra lại hình thức và nội dung các Tờ biểu quyết của mình, nếu có sai sót thì được đổi Tờ biểu quyết khác.

4. Để thuận tiện cho việc kiểm phiếu, Tờ biểu quyết phải được giữ ngay thẳng và không được gấp lại.

Điều 3. Cách thức biểu quyết

1. Cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp đánh dấu (X) vào ô “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” mà mình lựa chọn cho mỗi vấn đề biểu quyết [X].

a. Trường hợp thay đổi ý kiến thì:

+ Khoanh tròn ô đã lựa chọn [⊗] và

+ Đánh dấu (X) vào ô lựa chọn mới [X].

b. Trường hợp chọn lại ô đã khoanh tròn thì:

+ Tô đen ô khoanh tròn đó [●].

2. Thẻ biểu quyết được xem là không hợp lệ nếu:

a. Thẻ biểu quyết được đánh dấu X sai vị trí quy định; và/hoặc

b. Thẻ biểu quyết được đánh dấu X hoặc tô đen ô khoanh tròn vào cả 02 hoặc 03 ô biểu quyết; và/hoặc

c. Thẻ biểu quyết bị tẩy xóa, viết, vẽ hay có bất kỳ ký hiệu nào trên thẻ (ngoài hướng dẫn nêu tại khoản 1 Điều 3 của Quy chế này); và/hoặc

d. Tờ biểu quyết không do Ban tổ chức Đại hội phát hành; và/hoặc

e. Tờ biểu quyết bị rách, không còn nguyên vẹn.

3. Thẻ biểu quyết không đánh dấu X vào bất kỳ ô nào được xem như không tham gia biểu quyết đối với vấn đề tương ứng.

4. Ban kiểm phiếu thu Tờ biểu quyết theo từng đợt và tiến hành kiểm phiếu.

Điều 4. Điều kiện thông qua các vấn đề

1. Đối với việc biểu quyết thông qua Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2020 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
2. Đối với việc biểu quyết các vấn đề còn lại thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

Điều 5. Công bố kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua các vấn đề nêu tại Điều 1 sẽ được lập thành Biên bản kiểm phiếu đính kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và được công bố ngay trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ khi Đại hội đồng cổ đông thông qua và áp dụng cho việc biểu quyết các vấn đề tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 06/4/2021 của Ngân hàng TMCP Á Châu.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2021**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Báo cáo của Hội đồng quản trị ngày 04/3/2021 trình Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 06/4/2021,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2020, và thông qua kế hoạch hoạt động năm 2021 với các chỉ tiêu tài chính tín dụng trọng yếu như sau:
- Tổng tài sản tăng 10%;
 - Tiền gửi khách hàng tăng 9%;
 - Tín dụng tăng 9,5%;
 - Tỷ lệ nợ xấu dưới 2%;
 - Lợi nhuận trước thuế Tập đoàn khoảng 10.602 tỷ đồng.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT; P TH.

Đính kèm:

- Báo cáo của Hội đồng quản trị ngày 04/3/2021.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Hùng Huy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021

1 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

1.1 Bối cảnh hoạt động ngân hàng năm 2020

Năm 2020 chứng kiến nền kinh tế toàn cầu và hầu hết các quốc gia trên thế giới đều rơi vào khủng hoảng và suy thoái nghiêm trọng chưa từng có kể từ sau chiến tranh thế giới thứ II. Nền kinh tế Việt Nam năm 2020 cũng chông chát nhiều khó khăn, đó là dịch bệnh Covid-19, hạn hán, xâm nhập mặn miền Trung và cả đồng bằng sông Cửu Long, thiên tai lũ lụt tàn phá miền Trung. Tuy nhiên, bằng sự quyết tâm, nỗ lực của cả nước, khó khăn đã vượt qua và kinh tế đang dần hồi phục. Đây là thành công lớn của Việt Nam trong năm 2020.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) cả năm tăng 2,91%. Tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020 nhưng Việt Nam thuộc nhóm có mức tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới trong năm 2020. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với bình quân năm 2019. Áp lực lên lạm phát nhìn chung là không có mặc dù đã áp dụng nhiều giải pháp phục hồi kinh tế.

Trong lĩnh vực điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã kiên định mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an toàn hoạt động của hệ thống ngân hàng.

Tính đến thời điểm 21/12/2020, huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 12,87% (cùng thời điểm năm 2019 tăng 12,48%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 10,14% (cùng thời điểm năm 2019 tăng 12,14%).¹

1.2 Kết quả hoạt động kinh doanh của ACB năm 2020

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô đó, ACB tiếp tục tăng trưởng về quy mô, đạt lợi nhuận cao, và tuân thủ các giới hạn và tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng.

1.2.1 Tổng tài sản

Đến cuối năm 2020, quy mô tổng tài sản đạt 445 ngàn tỷ đồng, tăng 61 ngàn tỷ đồng, tương đương 15,9% so với cuối năm 2019 và hoàn thành 103% kế hoạch. Các khoản mục trong bảng tổng kết tài sản tăng trưởng ở mức trên bình quân của ngành, phù hợp với chính sách quản lý rủi ro đang ngày càng được nâng cao của ACB.

1.2.2 Tiền gửi khách hàng

¹ <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/12/baocao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2020/>

Quy mô vốn huy động đạt 353 ngàn tỷ đồng, tăng 45 ngàn tỷ đồng, tương đương 14,6% so với cuối năm 2019 và hoàn thành 102% kế hoạch. Trong đó, nguồn vốn không kỳ hạn tăng mạnh ở mức 30%, nâng tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) lên mức 22%, góp phần cải thiện chi phí vốn ở mức hợp lý.

1.2.3 Phát hành giấy tờ có giá và đầu tư giấy tờ có giá

Trong năm 2020, ACB đã phát hành thành công 2.230 tỷ đồng, trong đó có 2.200 tỷ đồng chứng chỉ tiền gửi kỳ hạn 1 năm và 30 tỷ đồng trái phiếu vốn cấp 2 với chi phí hợp lý, góp phần tăng quy mô nguồn vốn của ACB, cải thiện cơ cấu vốn tự có, đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Trái phiếu chính phủ tiếp tục là kênh đầu tư chính hiệu quả cao, chiếm xấp xỉ 98% danh mục đầu tư của ACB, tương đương 14% tổng tài sản.

1.2.4 Tín dụng

Dư nợ tín dụng đạt 311 ngàn tỷ đồng, tăng 43 ngàn tỷ đồng, tương đương 15,9% và hoàn thành 104% kế hoạch (theo kế hoạch tăng trưởng đã trình Đại hội đồng cổ đông là 11,75%)². Trong đó, tín dụng bán lẻ tăng 19%, là động lực tăng trưởng tín dụng của ACB.

1.2.5 Chất lượng tín dụng

Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ tín dụng được duy trì ổn định ở mức 0,59%. Tỷ lệ nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5 tăng nhẹ từ 0,77% lên mức 0,78%. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) được duy trì ở mức cao là 160%, giảm 15% so với mức 175% của năm 2019.

Trong năm 2021, ACB tiếp tục tăng cường xử lý, thu hồi nợ xấu và chủ động đánh giá khả năng xử lý tài sản đảm bảo.

1.2.6 Lợi nhuận

- Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn năm 2020 đạt 9.596 tỷ đồng, tăng 28% so với năm 2019 và hoàn thành 126% kế hoạch đã trình Đại hội đồng cổ đông (7.636 tỷ đồng). Doanh thu tăng 13%, trong đó thu nhập lãi tăng 20%, biên sinh lời tăng 12 điểm so với cùng kỳ năm 2019, đạt 3,52%. Bên cạnh đó, chi phí hoạt động được kiểm soát chặt chẽ trong bối cảnh tác động của dịch Covid-19 với mức giảm 8% so với cùng kỳ 2019.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA) đạt mức 1,86%, cao hơn mức mức 1,69% của năm 2019; và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đạt mức 24,31%, tương đương mức của năm 2019.

1.2.7 Tuân thủ các giới hạn và tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động

Các giới hạn và tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng luôn được ACB giám sát chặt chẽ, bảo đảm tuân thủ quy định của Thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 và Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016. Các giới hạn và tỷ lệ này được duy trì ổn

² Theo Công văn số 9355/NHNN-CSTT ngày 24/12/2020, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2020 của ACB tối đa là 16%.

định trong năm 2020 và tại ngày 31/12/2020 có giá trị như sau:

- Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất của Tập đoàn đạt 11,06%, cao hơn mức 10,91% của năm 2019. Tỷ lệ an toàn vốn tại các thời điểm trong năm đều duy trì trên mức 10%, vượt mức tối thiểu quy định hiện hành là 8%.
- Tỷ lệ dự trữ thanh khoản đạt 23,58% so với mức tối thiểu là 10%.
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung dài hạn là 26,42% so với mức tối đa được phép là 40%.
- Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi ở mức 79,30%, so với mức tối đa không được vượt là 85%.
- Các giới hạn cấp tín dụng, giới hạn góp vốn, mua cổ phần đều nằm trong hạn mức được quy định tại Thông tư số 22/2019.

1.3 Thực hiện nghị quyết năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông

- 1.3.1 Việc chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông được hoàn thành trong thời hạn quy định. Tài khoản chứng khoán của cổ đông được ghi có vào ngày 15/9/2020, ba tháng sau ngày đại hội cổ đông thường niên (16/6/2020).
- 1.3.2 Việc chuyển đăng ký niêm yết cổ phiếu ACB sang Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) được hoàn thành đúng kế hoạch. Toàn bộ 2.161.558.460 (Hai tỷ, một trăm sáu mươi một triệu, năm trăm năm mươi tám ngàn, bốn trăm sáu mươi) cổ phiếu ACB được chính thức niêm yết trên HOSE vào ngày 20/11/2020, và cổ phiếu được bắt đầu giao dịch ngày 09/12/2020.
- 1.3.3 Ngoài ra, việc ACB và Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam ký thỏa thuận hợp tác độc quyền phân phối sản phẩm bảo hiểm nhân thọ kéo dài 15 năm tại Việt Nam vào ngày 18/11/2020 và thỏa thuận này được triển khai thực hiện từ ngày 01/01/2021, là một hành động làm tăng giá trị đem lại cho Ngân hàng.

1.4 Công tác quản trị

1.4.1 Hội đồng quản trị

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp bảy lần (trong đó có hai lần họp bất thường) và thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản hai lần đối với các vấn đề phát sinh; và ban hành tổng cộng 45 quyết định liên quan đến chủ trương, chính sách đối với các hoạt động trọng yếu, tổ chức bộ máy và nhân sự cấp quản lý. Các quyết định của Hội đồng quản trị được báo cáo định kỳ 6 tháng và cả năm cho cơ quan quản lý Nhà nước.

Các ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị gồm có Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Chiến lược và Ủy ban Đầu tư.

1.4.2 Ủy ban Quản lý rủi ro

Ủy ban Quản lý rủi ro hiện nay có chín thành viên, trong đó có sáu thành viên thuộc Hội đồng quản trị. Trong năm 2020, Ủy ban Quản lý rủi ro đã tổ chức năm phiên họp, tập trung thảo luận

về công tác quản lý các rủi ro trọng yếu như tín dụng, thanh khoản, lãi suất và hoạt động. Cụ thể, Ủy ban Quản lý rủi ro tập trung theo dõi, cập nhật ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19 đến hoạt động tín dụng của ACB, đồng thời giám sát Ban điều hành trong việc đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và ACB.

1.4.3 Ủy ban Nhân sự

Ủy ban Nhân sự hiện nay có bảy thành viên, trong đó có năm thành viên Hội đồng quản trị. Trong năm 2020, Ủy ban Nhân sự đã phê duyệt hoặc trình Hội đồng quản trị phê duyệt một số vấn đề quan trọng thuộc các phạm vi sau: (i) Đề xuất và điều chỉnh nhân sự các hội đồng (ii) Bổ nhiệm và tái bổ nhiệm nhân sự cấp quản lý, (iii) Chính sách nhân sự: nguyên tắc phân bổ ngân sách nhân sự và điều chỉnh thu nhập năm 2021, và nguyên tắc xây dựng định biên nhân sự năm 2021, (iv) Tổ chức bộ máy hoạt động, trong đó có vấn đề phòng giao dịch quy mô lớn giai đoạn 2020 – 2022.

1.4.4 Ủy ban Chiến lược

Ủy ban Chiến lược hiện tại gồm có sáu thành viên, trong đó có bốn thành viên Hội đồng quản trị. Trong năm 2020, Ủy ban Chiến lược tiếp tục chỉ đạo triển khai chiến lược 2019 – 2024 thông qua một số dự án chiến lược. Các dự án chiến lược này do Văn phòng Quản lý chuyên đổi chủ trì và được triển khai tương đối theo đúng tiến độ.

1.4.5 Ủy ban Đầu tư

Ủy ban Đầu tư hiện có năm thành viên, bao gồm bốn thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc. Trong năm 2020, Ủy ban Đầu tư đã đưa ra định hướng và khung quản lý đầu tư cho công ty con, giám sát hiệu quả hoạt động đầu tư của Tập đoàn và tham gia giải quyết các vấn đề còn tồn đọng.

1.4.6 Thù lao và thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành

(Xin xem Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020, phần Thuyết minh, mục 40 “Giao dịch với các bên liên quan.”)

1.5 Kết quả giám sát đối với Ban điều hành

Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo và kiểm soát Ban điều hành thực hiện kế hoạch năm 2020 đảm bảo mục tiêu tăng trưởng, an toàn và hiệu quả cho việc triển khai thực hiện chiến lược đến năm 2024. Ban điều hành đã thực hiện nhiệm vụ thành công về các mặt sau:

- Đã thực thi chiến lược kinh doanh trong năm 2020 theo đúng định hướng.
- Đảm bảo nguồn nhân lực phù hợp và đầy đủ đáp ứng nhu cầu kinh doanh.
- Cân đối được nguồn vốn và sử dụng vốn và các nguồn lực khác cho các cơ hội kinh doanh.
- Ra quyết định kinh doanh đúng đắn và điều chỉnh quyết định kinh doanh kịp thời phù hợp với điều kiện hoạt động.
- Xây dựng văn hóa kinh doanh hiệu quả, có động lực thúc đẩy kinh doanh và nhân viên gắn kết.

- Kết quả hoạt động là ACB tăng trưởng quy mô hoạt động đáng kể và đạt lợi nhuận cao, như đã nêu ở mục 1.2.

Hội đồng quản trị ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành.

2 KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

2.1 Môi trường kinh doanh

Trong năm 2020, Việt Nam có mức tăng trưởng kinh tế cao nhất Đông Nam Á, trong khi ở các nước khác trong khu vực thì kinh tế tăng trưởng âm. Tuy nhiên kinh tế Việt Nam năm qua chịu nhiều tổn thất nặng nề. Do vậy dự báo kinh tế năm 2021 vẫn là xu hướng phục hồi, nhưng chưa thể đột phá mà có mức độ, vì phụ thuộc vào khả năng chống dịch của thế giới cũng như ở trong nước và các gói hỗ trợ của chính phủ. Mức tăng GDP của Việt Nam năm 2021 được dự báo tăng trưởng khoảng 6% – 6,5%.³

Hoạt động ngân hàng thương mại năm 2021 đứng trước nhiều cơ hội và thách thức đan xen. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có thể chưa giảm lãi suất điều hành, tuy vẫn có khả năng điều chỉnh giảm nhẹ, vì lạm phát tính đến cuối năm 2020 là khá thấp, tăng 0,19% so với cuối năm 2019. Các ngân hàng thương mại sẽ tiếp tục thực hiện chủ trương giảm chi phí, giảm lãi suất cho vay hoặc tiếp tục khoan, giãn, hoãn nợ cho khách hàng đã, đang gặp khó khăn do dịch Covid-19.

Nhu cầu tín dụng ngân hàng sẽ tăng cao hơn so với năm 2020, do sản xuất kinh doanh phục hồi, nhất là lĩnh vực sản xuất. Tăng trưởng tín dụng cả năm có thể đạt khoảng 12%⁴. Việc quản trị, điều hành để vừa tiết giảm hợp lý chi phí vốn, vừa bảo đảm thanh khoản và nắm bắt cơ hội mở rộng cho vay là một vấn đề mà các ngân hàng sẽ đối diện thường xuyên hơn trong năm 2021.

2.2 Kế hoạch hoạt động năm 2021

Trên cơ sở dự báo môi trường kinh doanh vừa nêu, đánh giá các cơ hội và thách thức đối với hoạt động của ACB, Hội đồng quản trị phê duyệt đề xuất của Ban điều hành, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch hoạt động năm 2021 với các chỉ tiêu tài chính tín dụng chủ yếu như sau:

1. Tổng tài sản tăng 10%;
2. Tiền gửi khách hàng tăng 9%;
3. Tín dụng tăng 9,5% (*);
4. Tỷ lệ nợ xấu dưới 2%;
5. Lợi nhuận trước thuế Tập đoàn khoảng 10.602 tỷ đồng.


(*) Điều chỉnh theo Công văn số 1757/NHNN-CSTT ngày 19 tháng 3 năm 2021.

³ 6%: QH giao; 6,5%: CP phân đấu. (Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021.)

⁴ Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 07/01/2021.

Tóm lại, trong năm 2020, ACB đã đạt kết quả rất khả quan với quy mô hoạt động tăng trưởng cao, tài sản có cơ cấu phù hợp và có chất lượng, quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được tuân thủ chặt chẽ, và nhiều mặt hoạt động của ACB được củng cố và nâng cao. Bước sang năm 2021 với tình hình nhiều thách thức và khó khăn rất lớn, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và nhân viên tiếp tục nỗ lực xây dựng ACB phát triển an toàn, hiệu quả, bền vững nhằm tạo ra và bảo vệ giá trị tốt nhất cho cổ đông và các bên liên quan khác.

Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và các chỉ tiêu tài chính tín dụng trong kế hoạch hoạt động năm 2021.

Trân trọng. 

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH



Trần Hùng Huy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
Về Báo cáo của Ban kiểm soát

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Báo cáo của Ban kiểm soát ngày 04/3/2021 trình Đại hội đồng cổ đông;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 06/4/2021,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020 của Ngân hàng TMCP Á Châu.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Hùng Huy

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT; P TH.

Đính kèm:

- Báo cáo của Ban kiểm soát ngày 04/3/2021.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2017;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ và Quy chế tổ chức hoạt động của Ban Kiểm soát Ngân hàng Á Châu;
- Căn cứ Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết.

Ban Kiểm soát báo cáo về hoạt động của Ban Kiểm soát và kết quả thẩm định báo cáo tài chính của Ngân hàng Á Châu năm 2020 như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

1. Tổng kết các cuộc họp Ban Kiểm soát:

- Ban Kiểm soát đã có 05 phiên họp giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên để triển khai chức năng, nhiệm vụ của Ban. Các phiên họp đều có quyết nghị, được lập thành biên bản gửi đến từng thành viên để thực hiện và được thông báo Hội đồng Quản trị để biết.

(Phiên họp ngày 04/5/2020; ngày 09/7/2020; ngày 21/9/2020; ngày 01/12/2020; ngày 24/02/2021).

- Ngoài ra Ban Kiểm soát thường xuyên tổ chức trao đổi các vấn đề liên quan đến quản lý điều hành, kiểm toán nội bộ phục vụ cho mục đích kiểm soát, giám sát của Ban.

2. Hoạt động kiểm toán nội bộ:

- Ban Kiểm soát chỉ đạo và sử dụng bộ máy Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện công tác kiểm toán theo kế hoạch kiểm toán hàng năm được lập và báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước.

- Trong năm 2020, Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện kế hoạch kiểm toán năm và các cuộc kiểm toán đột xuất theo yêu cầu, bao gồm: kiểm toán hoạt động của 100 chi nhánh và phòng giao dịch; kiểm toán các hoạt động, các quy trình, đơn vị thuộc Hội sở có phát sinh rủi ro và có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động Ngân hàng, bao gồm 15 chuyên đề và 01 công ty trực thuộc: (1) Quy trình quản lý sự thay đổi và triển khai hệ thống công nghệ thông tin; (2) Nhóm sản phẩm về tài trợ xuất khẩu thuộc Khối Khách hàng doanh nghiệp; (3) Việc quản lý và triển khai các sản phẩm cho phân khúc khách hàng ưu tiên thuộc Khách hàng cá nhân; (4) Hoạt động Kinh Doanh Ngoại Hối & Vàng; (5) Hoạt động chuyển tiền nhanh; (6) Sản phẩm cho vay hỗ trợ vốn kinh doanh dành cho Khách hàng cá nhân; (7) Hoạt động liên quan ngân hàng số; (8) Quy trình quản lý và lưu trữ hồ sơ/ tài liệu tại ACB; (9) Hoạt động phê duyệt tín dụng tập trung; (10) Xây dựng kế hoạch duy trì hoạt động liên tục; (11) Hoạt động quản lý ATM; (12) Quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn của ACB; (13) Quy trình quản lý định mức tồn quỹ cho Chi nhánh/ Phòng giao dịch; (14) Quản lý tỷ lệ an toàn vốn

theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN; (15) Hoạt động quản trị dữ liệu và hệ thống thông tin quản lý; Kiểm toán Công ty chứng khoán ACB (ACBS).

- Kết quả kiểm toán có các kiến nghị đề xuất nhằm khắc phục các sai sót, vi phạm; điều chỉnh, bổ sung quy định, quy trình nghiệp vụ; tăng cường hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ; kiến nghị về công tác giám sát của quản lý cấp cao; kiến nghị xử lý trách nhiệm cá nhân có sai phạm.
- Hệ thống văn bản và hướng dẫn kiểm toán nội bộ được bổ sung, điều chỉnh phù hợp với quy định Pháp luật (Thông tư 13/2018/TT-NHNN) và các kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước.

3. Giám sát hoạt động quản trị và điều hành:

a. Phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành:

- Ban Kiểm soát phối hợp với Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành để thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban, thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng.
- Ban Kiểm soát tham gia tất cả các phiên họp của Hội đồng Quản trị; tham gia các hội nghị triển khai hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, tham dự các phiên họp Ủy ban Quản lý rủi ro... Trong các phiên họp, Ban Kiểm soát đã thông báo về hoạt động Ban Kiểm soát, tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến vào nội dung của từng phiên họp về các biện pháp tăng cường kiểm tra kiểm soát, quản lý rủi ro, tuân thủ các quy định của Pháp luật, quy định nội bộ của Ngân hàng.
- Ban Kiểm soát được Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành cung cấp thông tin, báo cáo theo yêu cầu và các dữ liệu có liên quan để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

b. Giám sát hoạt động quản trị và điều hành:

- Trong năm 2020, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đã chỉ đạo, điều hành hoạt động của Ngân hàng theo định hướng và mục tiêu an toàn hoạt động; nâng cao năng lực quản trị điều hành và tính minh bạch trong hoạt động Ngân hàng; thực hiện phương án cơ cấu lại Ngân hàng Á Châu gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 (được duyệt bởi Ngân hàng Nhà nước); tăng cường quản trị rủi ro phù hợp với các quy định của Thông tư 13/2018/TT-NHNN; ứng dụng có hiệu quả hệ thống tin học của Ngân hàng; áp dụng các tiêu chuẩn về an toàn vốn (theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN).
- Hoạt động kinh doanh Ngân hàng theo định hướng bán lẻ, tập trung vào các sản phẩm truyền thống huy động, cho vay, dịch vụ Ngân hàng, đối tượng khách hàng chủ yếu là doanh nghiệp vừa, nhỏ, cá nhân theo mô hình kinh doanh đa dịch vụ; nâng cao chất lượng dịch vụ và tin học hóa sản phẩm dịch vụ Ngân hàng; Tăng tỷ trọng nguồn thu từ dịch vụ Ngân hàng; Cơ cấu lại tổ chức và sắp xếp mạng lưới Chi nhánh, Phòng giao dịch; Tích cực xử lý nợ xấu, trích dự phòng rủi ro; Tiết giảm chi phí điều hành, ...
- Ban Kiểm soát giám sát hoạt động quản trị điều hành thông qua (1) Giám sát thực hiện chỉ đạo của Chính Phủ, các chỉ thị/ kiến nghị của Ngân hàng nhà nước, Cơ quan Thanh tra giám sát; ... liên quan đến việc thực hiện các chính sách tiền tệ, tín dụng, nâng cao năng lực quản lý điều hành, quản trị rủi ro; (2) Giám sát việc chấp hành các quy định của Ngân hàng Nhà nước liên quan đến các giới hạn và tỉ lệ đảm bảo an toàn

trong hoạt động Ngân hàng, trích dự phòng rủi ro, ...; (3) Giám sát việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid - 19 (theo Thông tư 01/2020/TT-NHNN); (4) Giám sát thực hiện phương án cơ cấu lại Ngân hàng Á châu gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020; (5) Giám sát việc chấp hành các quy định của ACB liên quan đến chi tiêu nội bộ, huy động vốn, sử dụng vốn, giao dịch ngân quỹ, chất lượng tín dụng, ...; (6) Giám sát các hạn mức rủi ro đã được ACB thiết lập và đảm bảo tuân thủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

c. Kết quả giám sát

- Trong năm 2020 Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã chỉ đạo và điều hành hoạt động ACB theo đúng định hướng và các mục tiêu chiến lược. Tuân thủ các quy định của Luật Tổ chức tín dụng và Điều lệ ngân hàng trong quản trị và điều hành.
- ACB hoạt động an toàn và hiệu quả, tăng trưởng về huy động vốn, cho vay, lợi nhuận, đạt các chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông; Chấp hành các quy định của Ngân hàng Nhà nước về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động Ngân hàng, giảm tỷ lệ Nợ xấu, tích cực xử lý các khoản nợ xấu/ nợ tồn đọng/ nợ cơ cấu.
- ACB đã thực hiện quy định về an toàn vốn theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN trước thời hạn. Về quản trị rủi ro, Ngân hàng đã xây dựng chiến lược, các chính sách quản trị rủi ro đối với từng loại rủi ro trọng yếu. Việc giám sát cấp cao của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành thông qua hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro thuộc Hội đồng quản trị và Hội đồng rủi ro thuộc Ban Điều hành (đáp ứng yêu cầu Thông tư 13/2018/TT-NHNN).
- Các giải pháp trong Phương án cơ cấu lại Ngân hàng Á châu gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 được thực hiện theo đúng lộ trình và đạt được các mục tiêu chủ yếu.

4. Thẩm định Báo cáo tài chính:

- Ban Kiểm soát phân công các thành viên chuyên trách kiểm tra các số liệu kế toán để thực hiện rà soát và kiểm toán Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tài chính cả năm 2020 của Ngân hàng và hợp nhất với các Công ty trực thuộc.
- Ban Kiểm soát đã thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Ngân hàng và các Công ty trực thuộc, thống nhất số liệu với Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

5. Các công việc khác:

- Giám sát chi phí điều hành được thực hiện thông qua kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ quy chế chi tiêu nội bộ của Ngân hàng, kiểm tra việc thực hiện chi phí với kế hoạch chi phí được duyệt theo thẩm quyền, thực hiện kế hoạch chi phí theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ thực hiện việc rà soát các quy chế, quy định do Hội đồng quản trị, Ban điều hành ban hành để tuân thủ các quy định Pháp luật, quy định Ngân hàng nhà nước.
- Trưởng Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các hội nghị, các yêu cầu dự họp của Ngân

hàng Nhà nước, Cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng.

- Cập nhật danh sách cổ đông lớn và những người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc.
- Theo dõi và giám sát việc thực hiện các kiến nghị của Cơ quan Thanh tra giám sát, Ngân hàng nhà nước, kiểm toán độc lập.
- Báo cáo liên quan đến công tác phòng chống tham nhũng theo yêu cầu của các cơ quan pháp luật.
- Báo cáo theo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng.

6. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát

- Ban Kiểm soát có 04 thành viên, 03 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách. Ban Kiểm soát đã thực hiện phân công phân nhiệm cho từng thành viên để thực hiện Nhiệm vụ và Quyền hạn của Ban Kiểm soát, Quyền và Nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (theo Điều 45, 46 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 56 Điều lệ Ngân hàng).
- Trong phạm vi phân công, các thành viên tổ chức thực hiện nhiệm vụ của mình, đồng thời thực hiện các quyết nghị trong từng phiên họp của Ban Kiểm soát.
- Đánh giá hoạt động Ban Kiểm soát trong năm 2020 đã thực hiện được những yêu cầu về trách nhiệm và quyền hạn của Ban Kiểm soát, đã góp phần thực hiện được các chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoạt động Ngân hàng an toàn và có hiệu quả.

II. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính:

1. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và Công ty trực thuộc:

a. Nhân xét về báo cáo tài chính

Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Ngân hàng và thống nhất xác nhận kết quả như sau:

- Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đúng theo Quyết định số 1913/2005/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước.
- Các báo cáo tài chính năm 2020 của Ngân hàng được lập đúng biểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/04/2007 và Thông tư 49/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014 của Ngân hàng Nhà nước.
- Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con đã trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính đến ngày 31/12/2020 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020; phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành áp dụng cho lĩnh vực ngân hàng và các tổ chức tín dụng.
- Báo cáo tài chính của Ngân hàng đã được Công ty kiểm toán PwC thực hiện kiểm toán.

b. Về tài sản và nguồn vốn

Các số liệu như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TÀI SẢN	SỐ TIỀN
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	6.967.918
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	16.616.798
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	31.671.245
<i>Trừ dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các TCTD khác</i>	/
Chứng khoán kinh doanh	6.285.763
<i>Trừ dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh</i>	<i>(117.846)</i>
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	54.473
Cho vay khách hàng	311.478.989
<i>Trừ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng</i>	<i>(2.950.364)</i>
Chứng khoán đầu tư	63.838.696
<i>Trừ dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư</i>	<i>(439.685)</i>
Góp vốn đầu tư dài hạn	104.794
<i>Trừ dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn</i>	<i>(5.305)</i>
Tài sản cố định	3.782.753
Bất động sản đầu tư	348.778
Tài sản Có khác	6.893.097
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	444.530.104
NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	/
Tiền gửi và vay các TCTD khác	23.875.242
Tiền gửi của khách hàng	353.195.838
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	/
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	116.705
Phát hành giấy tờ có giá	22.049.697
Các khoản nợ khác	9.844.459

Vốn và các quỹ	27.629.123
Trong đó: + Vốn điều lệ	21.615.585
+ Thặng dư vốn cổ phần	271.779
+ Cổ phiếu quỹ	/
+ Quỹ của Tổ chức tín dụng	5.741.759
Lợi nhuận chưa phân phối	7.819.040
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	444.530.104

c. Về thu nhập và chi phí

Các số liệu như sau:

ĐVT: Triệu đồng

THU NHẬP (1)	36.759.573
Thu nhập từ lãi	31.855.748
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	2.803.484
Thu nhập từ hoạt động khác	495.459
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	19.077
Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	687.187
Thu nhập thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	166.503
Thu nhập thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	732.115
CHI PHÍ (2)	27.163.685
Chi phí trả lãi	17.273.625
Chi phí hoạt động dịch vụ	1.108.830
Chi phí hoạt động khác	215.809
Chi phí quản lý chung	7.624.268
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	941.153
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (1) - (2)	9.595.888
Thuế thu nhập doanh nghiệp (dự kiến)	1.913.065
LỢI NHUẬN SAU THUẾ (dự kiến)	7.682.823

2. Đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020:

a. Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trong năm 2020, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và các Công ty trực thuộc đã đạt được những kết quả như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ thực hiện/ kế hoạch 2020 (%)
Tổng tài sản	Tăng 12% so với 2019 (tương ứng 429.536 tỷ đồng)	444.530	103%
Dư nợ	Tăng 11,75% so với 2019 (tương ứng 300.273 tỷ đồng)	311.479	104%
Tiền gửi từ khách hàng	Tăng 12% so với 2019 (tương ứng 345.104 tỷ đồng)	353.196	102%
Lợi nhuận trước thuế	7.636	9.596	126%
Hệ số An toàn vốn	>9%	11,06%	-
Tỷ lệ nợ xấu	<2%	0,59%	-

- Tổng tài sản: 444.530 tỷ đồng, đạt 103% so với kế hoạch.
- Vốn huy động từ khách hàng: 353.196 tỷ đồng, đạt 102% so với kế hoạch, trong đó:
 - Tiền gửi cá nhân chiếm tỉ trọng lớn nhất (79%), tăng 33.079 tỷ đồng so với năm 2019.
 - Tiền gửi tổ chức chiếm tỉ trọng 21%, tăng 11.988 tỷ đồng so với năm 2019.
 - Tiền gửi bằng VND chiếm tỉ trọng 97%, tăng 44.520 tỷ đồng so với năm 2019.
 - Tiền gửi bằng ngoại tệ chiếm tỉ trọng 3%, tăng 547 tỷ đồng so với năm 2019.
- Tổng dư nợ tín dụng: 311.479 tỷ đồng, đạt 104% kế hoạch.
- Tỷ lệ nợ xấu (nhóm 3 đến nhóm 5): 0,59% tổng dư nợ.
- Lợi nhuận trước thuế: 9.596 tỷ đồng, đạt 126% so với kế hoạch, tăng 2.080 tỷ đồng so với lợi nhuận năm 2019.

b. Các nội dung khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- Đã thực hiện trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2019 và phương án tăng

vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông.

- Đã thực hiện phương án bán cổ phiếu quỹ để làm cổ phiếu thưởng.
- Đã thực hiện bổ sung nội dung đăng ký doanh nghiệp vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng.
- Đã thực hiện chuyển đăng ký niêm yết cổ phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu sang Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

III. Phương hướng hoạt động năm 2021:

Phương hướng hoạt động năm 2021 của Ban Kiểm soát có các trọng tâm như sau:

- Giám sát việc tuân thủ quy định Pháp luật, điều lệ, quy định nội bộ trong quản trị điều hành ngân hàng.
- Giám sát việc thực hiện các chỉ thị, kiến nghị của Ngân hàng nhà nước, Cơ quan Thanh tra giám sát.
- Giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông, giám sát các hoạt động kinh doanh chủ yếu của Ngân hàng, trong đó chú trọng hoạt động cấp tín dụng, vận hành công nghệ thông tin, tuân thủ các giới hạn và tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động Ngân hàng.
- Chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2021 (đã báo cáo Ngân hàng nhà nước) và các yêu cầu đột xuất của Ngân hàng nhà nước, của ban lãnh đạo Ngân hàng.
- Nâng cao năng lực, chất lượng kiểm toán nội bộ, áp dụng chuẩn mực kiểm toán nội bộ Việt Nam (theo Thông tư 08/2021/TT-BTC).

IV. Báo cáo kinh phí hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát:

- Kinh phí hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát được thực hiện theo chi tiết sau:

+ Thù lao Ban Kiểm soát : 5.623 triệu đồng.

+ Chi phí về hành chính, quản lý khác: 372 triệu đồng.


Mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát trong phạm vi thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2020 thông qua.

- Kế hoạch thù lao và chi phí hoạt động năm 2021 của Ban Kiểm soát chi tiết theo Tờ trình về mức thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

Kính trình đại hội.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN ✓



HUỲNH NGHĨA HIỆP

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 06/4/2021,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất ký ngày 24/02/2021 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Ngân hàng TMCP Á Châu do Công ty TNHH PwC (Việt Nam) kiểm toán.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT; P TH.

Đính kèm:

- BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2020 (trích.)

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Hùng Huy

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

	Thuyết minh	Tại ngày	
		31.12.2020 Triệu VND	31.12.2019 Triệu VND
A TÀI SẢN			
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	4	6.967.909	6.437.803
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	5	16.616.798	10.420.306
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	31.396.600	30.752.061
1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	6.1	22.303.638	19.219.789
2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác	6.1	9.092.962	11.632.786
3 Dự phòng rủi ro	6.3	-	(100.514)
IV Chứng khoán kinh doanh	7	5.986.742	2.783.756
1 Chứng khoán kinh doanh		5.986.742	2.792.425
2 Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-	(8.669)
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	54.473	87.753
VI Cho vay khách hàng	9	304.796.753	263.584.441
1 Cho vay khách hàng		307.617.524	265.981.486
2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9.7	(2.820.771)	(2.397.045)
VIII Chứng khoán đầu tư	10	63.399.011	55.956.160
1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	10.1	10.790.432	10.601.503
2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	10.1	53.048.264	45.821.522
3 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	10.3	(439.685)	(466.865)
IX Góp vốn, đầu tư dài hạn	11	1.902.722	2.237.643
1 Đầu tư vào công ty con	11.2	1.805.000	2.140.000
2 Vốn góp liên doanh	11.3	1.000	1.000
3 Đầu tư vào công ty liên kết	11.3	200	200
4 Đầu tư dài hạn khác	11.4	101.827	101.827
5 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	11.5	(5.305)	(5.384)
X Tài sản cố định	12	3.734.392	3.713.599
1 Tài sản cố định hữu hình	12.1	2.678.281	2.682.090
a Nguyên giá tài sản cố định		4.842.425	4.631.301
b Hao mòn tài sản cố định		(2.164.144)	(1.949.211)
3 Tài sản cố định vô hình	12.2	1.056.111	1.031.509
a Nguyên giá tài sản cố định		1.449.969	1.363.057
b Hao mòn tài sản cố định		(393.858)	(331.548)
XII Tài sản Có khác	13	7.138.349	6.912.096
1 Các khoản phải thu	13.1	3.355.934	3.785.246
2 Các khoản lãi, phí phải thu		3.607.694	3.672.591
3 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	13.4	50.724	22.962
4 Tài sản Có khác	13.2	1.077.931	1.033.442
5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	13.3	(953.934)	(1.602.145)
TỔNG TÀI SẢN		441.993.749	382.885.618

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 83 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)


	Thuyết minh	Tại ngày		
		31.12.2020 Triệu VND	31.12.2019 Triệu VND	
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	14	22.530.219	19.200.683
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		15.119.326	16.691.060
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		7.410.893	2.509.623
III	Tiền gửi của khách hàng	15	353.322.693	308.493.813
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	16	116.705	156.147
VI	Phát hành giấy tờ có giá	17	21.606.697	20.329.836
VII	Các khoản nợ khác		9.594.792	7.375.838
1	Các khoản lãi, phí phải trả		5.091.490	4.359.384
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	18	4.503.302	3.016.454
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		407.171.106	355.556.317
VIII	VỐN CHỦ SỞ HỮU	19	34.822.643	27.329.301
1	Vốn của tổ chức tín dụng	19.1	21.887.364	16.799.171
a	Vốn điều lệ		21.615.585	16.627.373
c	Thặng dư vốn cổ phần		271.779	271.779
d	Cổ phiếu quỹ		-	(99.981)
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	19.1	5.381.055	4.257.051
5	Lợi nhuận chưa phân phối	19.1	7.554.224	6.273.079
a	Lợi nhuận năm nay		6.369.357	5.030.063
b	Lợi nhuận lũy kế năm trước		1.184.867	1.243.016
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		34.822.643	27.329.301
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		441.993.749	382.885.618

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 83 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	Tại ngày		
		31.12.2020 Triệu VND	31.12.2019 Triệu VND	
1	Bảo lãnh vay vốn	36.1	75.723	50.599
2	Cam kết giao dịch hối đoái	36.1	59.274.732	44.365.611
	<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>		1.206.679	1.711.469
	<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>		975.731	1.175.882
	<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>		57.092.322	41.478.260
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	36.1	4.585.085	4.998.346
5	Bảo lãnh khác	36.1	7.726.325	7.218.578
6	Các cam kết khác	36.1	2.841.427	-



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán trưởng



Đỗ Minh Toàn
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo Pháp luật



Trần Hùng Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 24 tháng 2 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 83 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2020	2019
		Triệu VND	Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	31.576.778	28.068.226
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(17.228.245)	(16.173.827)
I	Thu nhập lãi thuần	14.348.533	11.894.399
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	2.597.137	2.583.917
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	(1.055.954)	(770.499)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.541.183	1.813.418
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	687.297	430.425
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	106.469	51.152
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	732.115	54.306
5	Thu nhập từ hoạt động khác	461.714	1.545.288
6	Chi phí hoạt động khác	(186.420)	(45.749)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	275.294	1.499.539
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	39.478	33.726
VIII	Chi phí hoạt động	(7.423.285)	(8.149.168)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	10.307.084	7.627.797
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(949.770)	(238.096)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế	9.357.314	7.389.701
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(1.891.715)	(1.450.620)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	27.762	(21.361)
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.863.953)	(1.471.981)
XIII	Lợi nhuận sau thuế	7.493.361	5.917.720

Nguyễn Văn Hòa
Kế toán trưởng

Đỗ Minh Toàn
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo Pháp luật

Trần Hùng Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 24 tháng 2 năm 2021



Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 83 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp trực tiếp)

		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
Thuyết minh		2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	31.641.675	27.848.737
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(16.476.478)	(15.194.363)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	1.541.183	1.813.418
04	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	1.490.032	574.150
05	Thu nhập khác	64.463	67.029
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	208.790	1.426.468
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý	(7.363.681)	(7.393.501)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(1.625.993)	(1.556.331)
	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ HOẠT ĐỘNG	9.479.991	7.585.607
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09	Giảm/(tăng) các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	2.939.824	(5.301.733)
10	Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán	(10.609.988)	(4.519.587)
11	Giảm/(tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	33.280	(87.753)
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng	(41.636.038)	(38.222.364)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	(626.558)	(301.140)
14	Giảm khác về tài sản hoạt động	702.720	219.062
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15	Giảm các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	-	(3.074.100)
16	Tăng/(giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng khác	3.329.536	(1.551.464)
17	Tăng tiền gửi của khách hàng	44.828.880	38.020.830
18	Tăng phát hành giấy tờ có giá	1.397.800	12.707.480
19	Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(39.442)	(3.946)
20	Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	(38.198)
21	Tăng khác về công nợ hoạt động	867.925	292.277
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(1.156)	(1.327)
I	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10.666.774	5.723.644

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 83 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp trực tiếp)
(tiếp theo)

	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định ("TSCĐ")	(416.699)	(534.219)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	3.199	22.133
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	-	58.100
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	97.773	34.030
II	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(315.727)	(419.956)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
02	Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	29.400	196.000
03	Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	(170.000)	-
06	Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ	-	837.523
III	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	(140.600)	1.033.523
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	10.210.447	6.337.211
V	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM	35.677.897	29.340.686
VII	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM	32 45.888.344	35.677.897

Nguyễn Văn Hòa
Kế toán trưởng

Đỗ Minh Toàn
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo Pháp luật

Trần Hùng Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 24 tháng 2 năm 2021



Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 83 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Thuyết minh	Tại ngày	
		31.12.2020 Triệu VND	31.12.2019 Triệu VND
A TÀI SẢN			
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	4	6.967.918	6.437.812
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	5	16.616.798	10.420.306
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	31.671.245	30.341.599
1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	6.1	23.311.116	19.390.796
2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác	6.1	8.360.129	11.051.317
3 Dự phòng rủi ro	6.3	-	(100.514)
IV Chứng khoán kinh doanh	7	6.167.917	2.985.262
1 Chứng khoán kinh doanh		6.285.763	3.145.903
2 Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(117.846)	(160.641)
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	54.473	87.753
VI Cho vay khách hàng	9	308.528.625	266.164.852
1 Cho vay khách hàng		311.478.989	268.700.541
2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9.7	(2.950.364)	(2.535.689)
VIII Chứng khoán đầu tư	10	63.399.011	55.956.160
1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	10.1	10.790.432	10.601.503
2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	10.1	53.048.264	45.821.522
3 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	10.3	(439.685)	(466.865)
IX Góp vốn, đầu tư dài hạn	11	99.489	97.884
2 Vốn góp liên doanh	11.2	856	902
3 Đầu tư vào công ty liên kết	11.2	2.111	539
4 Đầu tư dài hạn khác	11.3	101.827	101.827
5 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	11.4	(5.305)	(5.384)
X Tài sản cố định	12	3.782.753	3.770.219
1 Tài sản cố định hữu hình	12.1	2.716.915	2.721.100
a Nguyên giá tài sản cố định		4.949.479	4.737.359
b Hao mòn tài sản cố định		(2.232.564)	(2.016.259)
3 Tài sản cố định vô hình	12.2	1.065.838	1.049.119
a Nguyên giá tài sản cố định		1.495.882	1.409.414
b Hao mòn tài sản cố định		(430.044)	(360.295)
XI Bất động sản đầu tư	13	348.778	361.676
a Nguyên giá bất động sản đầu tư		356.358	364.877
b Hao mòn bất động sản đầu tư		(7.580)	(3.201)
XII Tài sản Có khác	14	6.893.097	6.890.916
1 Các khoản phải thu	14.1	3.045.690	3.740.459
2 Các khoản lãi, phí phải thu		3.638.207	3.676.311
3 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	14.4	50.724	23.041
4 Tài sản Có khác	14.2	1.115.297	1.054.539
5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	14.3	(956.821)	(1.603.434)
TỔNG TÀI SẢN		444.530.104	383.514.439

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 90 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

	Thuyết minh	Tại ngày	
		31.12.2020 Triệu VND	31.12.2019 Triệu VND
B NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
II Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	15	23.875.242	19.248.572
1 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		15.081.349	16.673.949
2 Vay các tổ chức tín dụng khác		8.793.893	2.574.623
III Tiền gửi của khách hàng	16	353.195.838	308.129.391
V Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	17	116.705	156.147
VI Phát hành giấy tờ có giá	18	22.049.697	20.830.836
VII Các khoản nợ khác		9.844.459	7.384.134
1 Các khoản lãi, phí phải trả		5.097.042	4.362.770
2 Thuế TNDN hoãn lại phải trả		67	-
3 Các khoản phải trả và công nợ khác	19	4.747.350	3.021.364
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		409.081.941	355.749.080
VIII VỐN CHỦ SỞ HỮU	20	35.448.163	27.765.359
1 Vốn của tổ chức tín dụng	20.1	21.887.364	16.799.171
a Vốn điều lệ		21.615.585	16.627.373
c Thặng dư vốn cổ phần		271.779	271.779
d Cổ phiếu quỹ		-	(99.981)
2 Quỹ của tổ chức tín dụng	20.1	5.741.759	4.595.902
5 Lợi nhuận chưa phân phối	20.1	7.819.040	6.370.286
a Lợi nhuận năm nay		6.537.045	5.107.104
b Lợi nhuận lũy kế năm trước		1.281.995	1.263.182
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		35.448.163	27.765.359
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		444.530.104	383.514.439

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 90 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	Tại ngày	
		31.12.2020 Triệu VND	31.12.2019 Triệu VND
1 Bảo lãnh vay vốn	38.1	75.723	50.599
2 Cam kết giao dịch hối đoái	38.1	59.274.732	44.365.611
<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>		1.206.679	1.711.469
<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>		975.731	1.175.882
<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>		57.092.322	41.478.260
4 Cam kết trong nghiệp vụ L/C	38.1	4.585.085	4.998.346
5 Bảo lãnh khác	38.1	7.726.325	7.218.578
6 Các cam kết khác	38.1	2.841.427	-



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán trưởng



Đỗ Minh Toàn
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo Pháp luật



Trần Hùng Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 24 tháng 2 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 90 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		
		Thuyết minh	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	21	31.855.748	28.317.522
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	22	(17.273.625)	(16.205.362)
I	Thu nhập lãi thuần		14.582.123	12.112.160
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	23	2.803.484	2.708.759
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	24	(1.108.830)	(812.267)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ		1.694.654	1.896.492
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	25	687.187	430.325
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	26	166.503	75.206
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	27	732.115	54.322
5	Thu nhập từ hoạt động khác		495.459	1.546.194
6	Chi phí hoạt động khác		(215.809)	(46.054)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	28	279.650	1.500.140
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	29	19.077	28.708
VIII	Chi phí hoạt động	30	(7.624.268)	(8.307.596)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		10.537.041	7.789.757
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	31	(941.153)	(273.821)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		9.595.888	7.515.936
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		(1.940.681)	(1.463.537)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		27.616	(42.462)
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	32	(1.913.065)	(1.505.999)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		7.682.823	6.009.937
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	33	3.511	2.780

Nguyễn Văn Hòa
Kế toán trưởng

Đỗ Minh Toàn
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo Pháp luật

Trần Hùng Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 24 tháng 2 năm 2021



Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 90 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)

	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	31.893.852	28.097.818
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(16.519.692)	(15.242.345)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	1.694.654	1.896.492
04	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	1.515.830	588.907
05	Thu nhập khác	67.987	66.338
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	208.790	1.427.758
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý	(7.539.178)	(7.538.838)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(1.633.859)	(1.588.153)
		<u>9.688.384</u>	<u>7.707.977</u>
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ HOẠT ĐỘNG			
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09	Giảm/(tăng) các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	2.387.428	(5.294.776)
10	Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán	(10.555.531)	(4.393.112)
11	Giảm/(tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	33.280	(87.753)
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng	(42.778.448)	(38.173.321)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	(626.992)	(341.513)
14	Giảm khác về tài sản hoạt động	677.200	242.793
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15	Giảm các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	-	(3.074.100)
16	Tăng/(giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng khác	4.626.670	(1.469.810)
17	Tăng tiền gửi của khách hàng	45.066.447	38.130.888
18	Tăng phát hành giấy tờ có giá	1.339.800	12.334.480
19	Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(39.442)	(3.946)
20	Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	(38.198)
21	Tăng khác về công nợ hoạt động	1.061.621	276.619
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(1.156)	(1.326)
I	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	<u>10.879.261</u>	<u>5.814.902</u>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 90 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
(tiếp theo)

	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định ("TSCĐ")	(423.132)	(535.261)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	3.336	22.135
04	Mua sắm bất động sản đầu tư	(500)	(139.339)
05	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư	7.220	-
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	-	58.100
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	17.573	28.522
II	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(395.503)	(565.843)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
02	Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	29.400	196.000
03	Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	(170.000)	-
06	Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ	-	837.523
III	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	(140.600)	1.033.523
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	10.343.158	6.282.582
V	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM	35.678.913	29.396.331
VII	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM	46.022.071	35.678.913

34



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán trưởng



Đỗ Minh Toàn
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo Pháp luật




Trần Hùng Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 24 tháng 2 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 90 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân phối lợi nhuận năm 2020, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2021

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 04/3/2021 về việc phân phối lợi nhuận năm 2020, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2021;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 06/4/2021,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:

STT	Nội dung	Số tiền (VND)
1	Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB tại ngày 31/12/2020	9.595.887.256.221
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.913.064.653.888
3	Lợi nhuận sau thuế (1-2)	7.682.822.602.333
3a	Trong đó: Lợi nhuận sau thuế của ACB	7.493.360.753.460
4	Trích lập các quỹ, trong đó:	1.295.857.036.705
4a	Quỹ DTBSVDL của ACB (3a x 5%)	374.668.037.673
4b	Quỹ dự phòng tài chính của ACB (3a x 10%)	749.336.075.346
4c	Quỹ của các công ty con	21.852.923.686
4d	Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB	150.000.000.000
5	Lợi nhuận năm 2020 sau khi trích lập các quỹ (3-4)	6.386.965.565.628
6	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia	1.282.073.959.722
7	Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2020 (5+6)	7.669.039.525.350
8	Vốn điều lệ ACB	21.615.584.600.000

9	Số lượng cổ phiếu đã phát hành (cổ phiếu)	2.161.558.460
10	Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2020 (cổ phiếu)	2.161.558.460
11	Chia cổ tức năm 2020 (25%, bằng cổ phiếu)	5.403.896.150.000
12	Lợi nhuận còn lại (7-11)	2.265.143.375.350

2. Kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2021:

STT	Nội dung	Số tiền (VND)
1	Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB tại ngày 31/12/2021	10.602.000.000.000
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.120.400.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế (1-2)	8.481.600.000.000
3a	Trong đó: Lợi nhuận sau thuế của ACB	8.321.600.000.000
4	Trích lập các quỹ, trong đó:	1.472.240.000.000
	Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB	200.000.000.000
5	Lợi nhuận năm 2021 sau khi trích lập các quỹ (3-4)	7.009.360.000.000
6	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia	2.265.143.375.350
7	Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2021 (5+6)	9.274.503.375.350
8	Vốn điều lệ ACB	21.615.584.600.000
9	Số lượng cổ phiếu đã phát hành (cổ phiếu)	2.161.558.460
10	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm do chia cổ tức 2020 (25%) (cổ phiếu)	540.389.615
11	Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2021 (9+10) (cổ phiếu)	2.701.948.075
12	Chia cổ tức năm 2021 (25%, bằng cổ phiếu)	6.754.870.190.000
13	Lợi nhuận còn lại (7-12)	2.519.633.185.350

3. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm thực hiện việc chia cổ tức và tổ chức thực hiện việc chia cổ tức theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT; P TH.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Hùng Huy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về phương án tăng mức vốn điều lệ từ cổ tức năm 2020 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 04/3/2021 về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2020 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 06/4/2021,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua phương án tăng mức vốn điều lệ từ cổ tức năm 2020 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm, cụ thể như sau:

1. Thông qua việc tăng mức vốn điều lệ từ 21.615.584.600.000 đồng lên 27.019.480.750.000 đồng (tăng thêm 5.403.896.150.000 đồng) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
2. Thông qua phương án tăng mức vốn điều lệ với các chi tiết như Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 04/3/2021.
3. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu, chi tiết như sau:
 - 3.1 Mục đích phát hành:

Việc tăng vốn điều lệ là để nâng cao năng lực kinh doanh và đáp ứng yêu cầu về chuẩn mực vốn.

3.2 Phương án phát hành:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu.
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Mức vốn điều lệ hiện tại: 21.615.584.600.000 đồng.
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu.
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 25%. Theo đó, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu hiện tại sẽ được nhận thêm 25 cổ phiếu mới.
- Số lượng tối đa cổ phiếu dự kiến phát hành: 540.389.615 cổ phiếu.
- Tổng giá trị tối đa cổ phần phát hành tính theo mệnh giá: 5.403.896.150.000 đồng.
- Số lượng cổ phiếu ưu đãi cổ tức đến thời điểm hiện tại: Không có.
- Số lượng cổ phiếu ưu đãi biểu quyết đến thời điểm hiện tại: Không có.
- Số lượng cổ phiếu quỹ đến thời điểm hiện tại: Không có.
- Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ là lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức sau khi đã trích lập đầy đủ các quỹ và lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia (theo kết quả kiểm toán của công ty kiểm toán độc lập PwC tại thời điểm 31/12/2020): 7.669.039.525.350 đồng. Trong đó, số tiền để sử dụng chia cổ tức bằng cổ phiếu: 5.403.896.150.000 đồng.
- Người sở hữu quyền nhận cổ phiếu sẽ không được phép chuyển nhượng quyền này.
- Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được tự do chuyển nhượng.
- Tổng số lượng tối đa cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành: 2.701.948.075 cổ phiếu.
- Mức vốn điều lệ thực góp tối đa dự kiến sau khi phát hành: 27.019.480.750.000 đồng.
- Thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ: Quý 3 năm 2021.
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức từ lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2020.
- Phương thức phát hành: Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Cổ phiếu phát hành phân phối cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân phát sinh (nếu có) sẽ được phân phối cho Công đoàn ACB, làm nguồn cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên ACB.

- Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn. (Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm Tờ trình.)
 - Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn. (Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm Tờ trình.)
4. Đăng ký lưu ký bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
- Điều 2.** Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua việc thay đổi mức vốn điều lệ ghi trong Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu từ 21.615.584.600.000 đồng lên 27.019.480.750.000 đồng.
- Điều 3.** Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc tăng mức vốn điều lệ:
- Bổ sung hoặc sửa đổi phương án tăng mức vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc cho mục đích tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan (nếu có);
 - Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký phát hành cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và giải trình (nếu có);
 - Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền và triển khai phát hành cho phù hợp;
 - Tiến hành các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu sau khi phát hành;
 - Thực hiện các thủ tục để thay đổi mức vốn điều lệ trong Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với cơ quan chức năng sau khi hoàn tất đợt phát hành;
 - Sửa đổi các điều liên quan đến mức vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ của Ngân hàng sau khi hoàn tất đợt phát hành và phù hợp với kết quả phát hành;
 - Các công việc khác có liên quan để hoàn tất các nội dung liên quan đến việc phát hành.
- Điều 4.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 5.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu: VP HĐQT; P TH.

Đính kèm:

- Tờ trình về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2020 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ^{luân}
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Hùng Huy



NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 06/4/2021

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2020 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm

Căn cứ:

- Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm, cụ thể như sau:

1. PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ VÀ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

1.1. Sự cần thiết của việc tăng mức vốn điều lệ:

Việc tăng vốn điều lệ là cần thiết đối với ACB vì các lý do sau:

- Thực hiện Quyết định số 845/QĐ-NHNN ngày 22/4/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc Ngân hàng TMCP Á Châu áp dụng Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với Ngân hàng;
- Thêm nguồn vốn trung, dài hạn cho các hoạt động cấp tín dụng, đầu tư trái phiếu chính phủ của Ngân hàng;
- Thêm nguồn vốn để xây dựng văn phòng làm việc, cải tạo, sửa chữa, di dời trụ sở kênh phân phối; đầu tư vào các dự án thực hiện chiến lược 2019 – 2024 của Ngân hàng;
- Nâng cao năng lực tài chính, thích ứng với những biến động của thị trường.

Tóm lại, việc tăng vốn điều lệ là hết sức cần thiết cho hoạt động kinh doanh của ACB.

1.2. Kế hoạch tăng vốn điều lệ và phương án phát hành cổ phiếu

ACB dự kiến thực hiện kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2021 từ chia cổ tức bằng cổ phần phổ thông cho cổ đông với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- | | |
|--|-------------------------|
| a. <u>Vốn điều lệ hiện tại:</u> | 21.615.584.600.000 đồng |
| Trong đó, | |
| - Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành: | 2.161.558.460 cổ phiếu |
| - Số lượng cổ phiếu ưu đãi cổ tức đến thời điểm hiện tại: | Không có |
| - Số lượng cổ phiếu ưu đãi biểu quyết đến thời điểm hiện tại: | Không có |
| - Số lượng cổ phiếu quỹ đến thời điểm hiện tại: | Không có |
| - Số lượng cổ phiếu phổ thông được chia cổ tức năm 2020: | 2.161.558.460 cổ phiếu |
| b. Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ là lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức sau khi đã trích lập đầy đủ các quỹ và lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia (theo kết quả kiểm toán của công ty kiểm toán độc lập PwC tại thời điểm 31/12/2020): | 7.669.039.525.350 đồng |
| Trong đó, số tiền để sử dụng chia cổ tức bằng cổ phiếu: | 5.403.896.150.000 đồng |
| c. <u>Tổng mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm:</u> | |
| - Vốn điều lệ tối đa dự kiến tăng thêm: | 5.403.896.150.000 đồng |
| - Mệnh giá cổ phần: | 10.000 đồng/1 cổ phần |
| - Số lượng cổ phiếu tối đa dự kiến phát hành thêm: | 540.389.615 cổ phiếu |
| d. <u>Tổng mức vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành:</u> | |
| - Số lượng cổ phiếu tối đa dự kiến sau khi phát hành: | 2.701.948.075 cổ phiếu |
| - Vốn điều lệ thực góp tối đa dự kiến sau khi phát hành: | 27.019.480.750.000 đồng |
| e. <u>Thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ:</u> | Quý 3 năm 2021 |
| f. <u>Hình thức tăng vốn và phát hành:</u> Phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức sau khi đã trích lập đầy đủ các quỹ và lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia. | |
| g. <u>Đối tượng phát hành:</u> Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu. | |

- h. Tỷ lệ thực hiện quyền: 25% (phụ thuộc vào sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam). Theo đó, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu hiện tại sẽ được nhận thêm 25 cổ phiếu mới.
- Người sở hữu quyền nhận cổ phiếu sẽ không được phép chuyển nhượng quyền này.
 - Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được tự do chuyển nhượng.
- i. Phương thức thực hiện và phát hành: Cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền. Sau khi hoàn thành các thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ACB sẽ quyết định và thông báo thời điểm chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông.
- j. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Việc phân bổ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông được thực hiện theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân phát sinh (nếu có) sẽ được phân phối cho Công đoàn ACB, làm nguồn cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên ACB.

*Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 95 cổ phiếu. Khi đó, số cổ phiếu cổ đông A được nhận là $(95 * 0,25) = 23,75$ cổ phiếu. Sau khi làm tròn đến hàng đơn vị, số cổ phiếu thực tế mà cổ đông A được nhận là 23 cổ phiếu. Trong trường hợp này, số cổ phiếu lẻ 0,75 sẽ được phân phối cho Công đoàn ACB, làm nguồn cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên ACB.*

- 1.3. Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn. (Xin xem Phụ lục 1.)
- 1.4. Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn. (Xin xem Phụ lục 2.)

2. ĐĂNG KÝ LƯU KÝ BỔ SUNG VÀ NIÊM YẾT BỔ SUNG CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH THÊM

Sau khi thực hiện tăng vốn điều lệ theo phương án nêu trên, ACB sẽ thực hiện việc đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu được phát hành thêm với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu tương ứng tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.


3. KIẾN NGHỊ

Để thuận tiện cho quá trình thực hiện phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu nêu trên, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc sau đây:

- Bổ sung hoặc sửa đổi Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm theo yêu cầu

của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng, Ủy ban Chứng khoán nhà nước hoặc cho mục đích tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan (nếu có);

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký phát hành cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán nhà nước và giải trình (nếu có);
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền và triển khai phát hành cho phù hợp;
- Tiến hành các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu sau khi phát hành;
- Thực hiện các thủ tục để thay đổi vốn điều lệ trong Giấy phép thành lập và hoạt động;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với cơ quan chức năng sau khi hoàn tất đợt phát hành;
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ của Ngân hàng sau khi hoàn tất đợt phát hành và phù hợp với kết quả phát hành;
- Các công việc khác có liên quan để hoàn tất các nội dung liên quan đến việc phát hành.

Kính trình. 

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH



Trần Hùng Huy

Đính kèm:

- Phụ lục 1: Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; và Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn;
- Phụ lục 2: Tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn.

PHỤ LỤC 1

(Đính kèm Tờ trình ĐHCĐ ngày 04/3/2021 về phương án tăng vốn điều lệ)

I. Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn

Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết thời điểm hiện tại: 2.161.558.460
 Số lượng cổ phần tương ứng với vốn điều lệ thời điểm hiện tại: 2.161.558.460
 Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết sau khi tăng vốn: 2.701.948.075
 Số lượng cổ phần tương ứng với vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 2.701.948.075

Stt	Tên cổ đông	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Người đại diện theo pháp luật				Thời điểm hiện tại			Sau khi tăng vốn		
				Họ tên	Số thẻ CCCD/CMND/Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Dragon Financial Holdings Limited	163266	P.O Box 71, Craigmuir Chambers, Road Town, British Virgin Islands	Dominic Timothy Charles Scriven	556682308	28/09/2018	Vương quốc Anh	149.565.600	6,92%	6,92%	186.957.000	6,92%	6,92%
Tổng cộng								115.050.462	6,92%	6,92%	186.957.000	6,92%	6,92%

II. Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn:

Không có.

Ghi chú: Thông tin cổ đông và số cổ phần sở hữu trong Phụ lục này sẽ được cập nhật vào thời điểm trình cho cơ quan quản lý Nhà nước.

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

PHỤ LỤC 2

Tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn
(Đính kèm Tờ trình ĐHCĐ ngày 04/3/2021 về phương án tăng vốn điều lệ)

Số lượng cổ phần tương ứng với vốn điều lệ thời điểm hiện tại: 2.161.558.460
Số lượng cổ phần tương ứng với vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 2.701.948.075

Stt	Tên cổ đông nước ngoài	Thời điểm hiện tại		Sau khi tăng vốn	
		Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Dragon Financial Holdings Limited	149.565.600	6,92%	186.957.000	6,92%
2	Whistler Investments Limited	107.913.565	4,99%	134.891.956	4,99%
3	Sather Gate Investments Limited	107.913.565	4,99%	134.891.956	4,99%
4	Estes Investments Limited	89.713.565	4,15%	112.141.956	4,15%
5	Asia Reach Investments Limited	54.342.844	2,51%	67.928.555	2,51%
6	First Burns Investments Limited	53.505.280	2,48%	66.881.600	2,48%
7	Các cổ đông nước ngoài khác	85.513.043	3,96%	106.891.304	3,96%
	Tổng cộng	648.467.462	30,00%	810.584.328	30,00%

Ghi chú: Thông tin cổ đông và số cổ phần sở hữu trong Phụ lục này sẽ được cập nhật vào thời điểm trình cho cơ quan quản lý Nhà nước.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 04/3/2021 về mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 06/4/2021,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2021 là 0,6% (không phải sáu phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn theo Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm 2021.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT; P TH.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Hùng Huy